

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HS-PT

Ngày: 26-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường.

Ông Trần Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 8 và ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 86/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Dương Ngọc H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Dương Ngọc H, sinh ngày: 19/8/1990. Tên gọi khác: Cu Lỳ. Nơi thường trú: 1 L, phường V, Quận C, Tp .; Nơi ở hiện tại: C L, Phường A, Quận H, Tp .; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Ngọc H1 và bà Trần Thị Ánh N (đã chết); Bản thân chung sống như vợ chồng với Phan Thị Ánh H2 có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự: không; Tiền án (03): Bản án số: 3366/2009/HS-ST ngày 19/11/2009 của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích; Bản án số: 45/2014/HS-ST ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Tp . xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích và Bản án số: 01A/2018/HS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2022, chưa được xóa án tích; Nhân thân: Quyết định số 177/QĐ-TA, ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Tp . áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 21 tháng, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- *Bị cáo:* **Nguyễn Trung H3**, sinh ngày: 27/5/1997; Nơi thường trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không.

- *Bị hại:*

1. Phan Văn B, sinh năm: 1981; Cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Quốc N1, sinh năm: 1978; Cư trú: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bùi Thị N2, sinh năm: 1949; Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Hoàng K, sinh năm: 2003; Cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Trần Ngọc T, sinh năm: 1991; Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, Tp ..

3. Phạm Thị Lan H4, sinh năm: 1988; Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

4. Nguyễn Thị Hạnh X, sinh năm: 1982; Cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

5. Trần Thị Ngọc B1, sinh năm: 1959; Cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Ngọc N3, sinh năm: 1955; Cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Phạm Thị Ánh H5, sinh năm: 1994; Cư trú: 153.27 C, Phường A, Quận A, Tp ..

3. Bùi Thị Lệ H6, sinh năm: 1986; Cư trú: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Ngọc H và Nguyễn Trung H3 là bạn bè quan biết nhau trong thời gian chấp hành án phạt tù. Ngày 06/6/2023 và ngày 07/7/2023, H và H3 đã thống nhất cùng nhau thực hiện một vụ “Trộm cắp tài sản” và một vụ “Cướp giật tài sản” trên địa bàn huyện C, tỉnh Long An, cụ thể:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 06/6/2023, H sử dụng điện thoại gọi cho H3 hỏi H3 có ở nhà không H xuống chơi. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H

điều khiển xe mô tô, biển số: 59F2 - 397.59 xuống xã Đ, huyện C gặp H3. Lúc này, H và H3 rủ nhau qua xã H, huyện N, Tp . để chơi. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở H3 đến bến phà K thuộc ấp Đ, xã P, huyện C để đi phà qua ấp V, xã P, huyện C. Khi vừa lên bến phà thì cả hai phát hiện xe mô tô, biển số: 59Z2 - 066.34 của anh Nguyễn Quốc N1, xe do anh Trần Ngọc T đứng tên bán lại cho anh N1 đang đậu tại bến phà, không có người trông coi nên cả hai nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, H3 đi bộ lại gần xe mô tô biển số 59Z2-066.34 rồi dẫn xe ra đường. Sau đó, H3 ngồi trên yên xe còn H điều khiển xe mô tô, biển số 59F2 - 397.59 đẩy xe mô tô biển số 59Z2 - 066.34 do H3 điều khiển tẩu thoát đến Ấp A, xã L, huyện C thì H3 bứt dây điện, đạp nổ máy xe chạy về hướng Bến xe Q, Tp ., còn H điều khiển xe chạy theo sau. Sau đó, H3 bán xe mô tô trộm được cho một nam thanh niên tên T1 (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng và chia cho H số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh-trắng, biển số 59Z2 - 066.34 (tài sản chưa thu hồi được) có giá trị là 11.833.000 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 07/7/2023, H3 sử dụng điện thoại gọi cho H rủ H xuống nhà chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H điện thoại cho H3 nói chạy xe ra cầu R rước H. Sau đó, H3 điều khiển xe mô tô biển số 59Z1-115.83 đến cầu R rước H rồi chở H đến chợ N4 thuộc xã Đ, huyện C uống cà phê. Khi đang ngồi uống cà phê, do cả hai không có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H3 điều khiển xe mô tô biển số 59Z1-115.83 chở H đến địa bàn xã L, huyện C khi đi ngang tiệm tạp hóa gần Ủy ban nhân dân xã L, huyện C thì phát hiện bà Bùi Thị N2 đang bán hàng tạp hóa một mình, nên H kêu H3 dừng xe lại vào mua nước uống và H đã thực hiện hành vi cướp giật sợi dây chuyền bà N2 đang đeo trên cổ, dây chuyền do chị Phạm Thị Lan H4 mua cho bà N2. Lúc này, H đi bộ vào tiệm tạp hóa, H3 quay đầu xe, đứng ngoài đợi. Khoảng 05 phút sau, H chạy ra thì H3 nghe người phụ nữ la lớn “Giật đồ, giật đồ”, H leo lên xe và kêu H3 chạy đi. H3 liền nổ máy xe chở H tẩu thoát về hướng xã H, huyện N, Tp ., lúc này H3 mới hỏi H “Hồi nãy mày làm gì mà bả la vậy”, H nói “Tao giật sợi dây chuyền của bả”, H3 tiếp tục chở H đến gần Bến xe Q, Tp .. Lúc này, H kêu H3 về đi mai chuyển cho 1.000.000 đồng. Sau đó, H đến tiệm vàng ở khu vực Quận H, Tp . (không rõ địa chỉ) bán dây chuyền vàng với giá 3.000.000 đồng. Đến sáng ngày 08/7/2023, H chuyển khoản vào tài khoản của H3 số tiền 200.000 đồng. Ngày 09/7/2023, H điện thoại kêu H3 lên lấy tiền. Sau đó, H3 chạy xe mô tô đến bến xe Q, Tp . gặp H và H đưa cho H3 số tiền 800.000 đồng. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền,

loại vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ 6 phân (tài sản chưa thu hồi được) có giá trị là 12.448.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra, vào ngày 16/7/2023, H3 còn một mình thực hiện một vụ “Trộm cắp tài sản”, cụ thể vào khoảng 01 giờ 10 phút, ngày 16/7/2023 H3 điều khiển xe mô tô biển số: 59Z1-115.83 đến khu công nghiệp L thuộc Ấp C, xã L, huyện C để rút tiền. Sau đó, H3 dừng xe lại để đi vệ sinh thì phát hiện xe mô tô, biển số: 83P3-838.33 của anh Phan Văn B do Phạm Hoàng K (là con anh B) đứng tên, đang đậu trong hàng rào của Công ty TNHH MTV T2, không có người trong coi nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, H3 quan sát xung quanh thấy có một đoạn hàng rào của Công ty bị ngã được cột lại bằng dây kẽm nên H3 tháo dây đi qua hàng rào, rồi đi bộ lại gần xe mô tô có cắm sẵn chìa khóa trên xe. H3 đẩy xe lại hàng rào để đưa ra ngoài nhưng không được, nên đi bộ ra cổng bảo vệ của Công ty để tìm chìa khóa. Khi đến chốt bảo vệ thì thấy xe mô tô (không rõ biển số) trên ổ khóa xe có chìa khóa cổng, nên H3 lấy chìa khóa mở cổng phụ rồi dẫn xe mô tô ra ngoài để máy tẩu thoát, khi đến đoạn đường N, H3 cất giấu xe mô tô vừa trộm được ở bụi cây xanh bên đường. Sau đó, H3 quay lại lấy xe mô tô biển số: 59Z1-115.83 của mình chạy đến nhà nghỉ B2 gửi xe rồi quay lại đường N lấy xe mô tô vừa trộm được chạy đến gần cầu H thuộc Quận F, Tp . bán xe cho một người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 4.500.000 đồng rồi bắt xe ôm về nhà nghỉ B2 lấy xe mô tô của mình rồi điều khiển xe về nhà. Số tiền có được H3 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 22/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, màu đỏ-đen-trắng, biển số 83P3-838.33 (tài sản chưa thu hồi được) có giá trị là 16.330.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại Bản án số 46 ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã tuyên xử.

Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc H và Nguyễn Trung H3 cùng phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Dương Ngọc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Dương Ngọc H 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải chấp hành hình phạt về hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/12/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trung H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trung H3 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Trung H3 phải chấp hành hình phạt về hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/7/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam hai bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 28/5/2024, bị cáo Dương Ngọc H kháng cáo yêu cầu xem xét lại trường hợp án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm hạ khung hình phạt và giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H3 không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo H thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị cáo không phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Về hình thức kháng cáo trong hạn luật định, những nội dung kháng cáo trong giới hạn qui định của BLTTHS nên đề nghị xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2023 đến ngày 16/7/2023, Dương Ngọc H và Nguyễn Trung H3 đã thống nhất cùng nhau thực hiện 01 vụ “Trộm cắp tài sản” và 01 vụ “Cướp giật tài sản” trên địa bàn huyện C với tổng tài sản chiếm đoạt 24.281.000đ, cụ thể:

+ Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 06/6/2023, tại khu vực bến phà K thuộc ấp Đ, xã P, huyện C. Cả hai bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển số 59Z2-066.34 của anh Nguyễn Quốc N1, trị giá 11.833.000 đồng.

+ Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 07/7/2023, khi H3 điều khiển xe mô tô chở H chạy ngang tiệm tạp hóa của bà Bùi Thị N2 thuộc địa bàn xã L, huyện C thì H phát hiện bà N2 đang bán hàng tạp hóa một mình, nên H kêu H3 dừng xe lại, H đi bộ vào tiệm tạp hóa giật của bà N2 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ 06 phân trị giá 12.448.000 đồng.

+ Vào khoảng 01 giờ 10 phút, ngày 16/7/2023, bị cáo H3 điều khiển xe mô tô đi rút tiền. Khi dừng xe lại để đi vệ sinh thì phát hiện xe mô tô, biển số: 83P3-838.33 của anh Phan Văn B đang đậu trong hàng rào của Công ty TNHH MTV T2 thuộc khu công nghiệp L, địa bàn xã L, huyện C, nên một mình bị cáo H3 đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số biển số 83P3-838.33 của anh B trị giá 16.330.000 đồng.

Hành vi này của bị cáo Dương Ngọc H, đã cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 BLHS và tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Trung H3 về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS và tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú.

Theo Bản án số: 01A/2018/HS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2022 (gọi tắt là Bản án số 01A), chưa được xóa án tích. Bản án này xác định bị cáo là tái phạm, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Thuộc trường hợp định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù Phiếu lý lịch tư pháp số 59280/STP-LLTP, ngày 03/10/2022 của Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh cấp cho bị cáo H thể hiện bị cáo chỉ có một tiền án là Bản án số 01A và theo nội dung Công văn số 2873/STP-LLTP, ngày 15/5/2024 của Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh giải thích căn cứ vào Điều 73 Bộ luật Hình sự để tính thời hạn đương nhiên xóa án tích đối với bị cáo H. Tuy nhiên Bản án số 01A đã nhận định bị cáo tái phạm, chưa hết thời gian để được xem là đã xóa án tích và theo Công văn số 64/TANDTC-PC, ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao, thì điều kiện để đương nhiên được xóa án tích là sau khi chấp hành hình phạt chính và phải chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Do đó cấp sơ thẩm xác định bị cáo H có 03 tiền án là có căn cứ.

Xét thấy mức án 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” mà Tòa sơ thẩm tuyên phạt là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng, bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết nào mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2024/HSST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét xác định lại khung hình phạt giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với bản kết luận thương tích và các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06/6/2023, tại khu vực bên phà K thuộc ấp Đ, xã P, huyện C. bị cáo H đã cùng bị cáo H3 lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 59Z2-066.34 của anh Nguyễn Quốc N1, trị giá 11.833.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự và vào ngày 07/7/2023, H và bị cáo H3 đã có hành vi cướp giật của bà N2 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ 06 phân trị giá 12.448.000 đồng. Hành vi này của hai bị cáo đã cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” tội phạm được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra vào khoảng 01 giờ 10 phút, ngày 16/7/2023, bị cáo H3 điều khiển xe mô tô đi rút tiền. Khi dừng xe lại để đi vệ sinh thì phát hiện xe mô tô, biển số: 83P3-838.33 của anh Phan Văn B đang đậu trong hàng rào của Công ty TNHH MTV T2 thuộc khu công nghiệp L, địa bàn xã L, huyện C, bị cáo H3 đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 83P3-838.33 của anh B trị giá 16.330.000 đồng. Hành vi này của bị cáo H3 đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm được

quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tỉnh Long An đã xác định các bị cáo Dương Ngọc H và bị cáo Nguyễn Trung H3 đã có hành vi phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “ Cướp giật tài sản” và xét xử các bị cáo về các tội trên là có căn cứ đúng pháp luật không oan đối với các bị cáo. Án sơ thẩm đã: Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Dương Ngọc H 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù và Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H3 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Trung H3 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo Dương Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo H cho là bị cáo không phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Nguyễn Trung H3 không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Dương Ngọc H: Án sơ thẩm xác định Bị cáo H: có 03 tiền án, cụ thể: Bản án số: 3366/2009/HS-ST ngày 19/11/2009 của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chưa được xóa án tích; Bản án số: 45/2014/HS-ST ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Tp . xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chưa được xóa án tích và Bản án số: 01A/2018/HS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2022, chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Thuộc trường hợp định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H kháng cáo cho là bị cáo không phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trường hợp bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm để xác định lại khung hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, trong thời gian xét xử phúc thẩm vụ án ngoài giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù ngày 01/02/2022 của Trại giam P – Cục A. Tòa án nhân dân tỉnh đã tiến hành thu thập giấy chứng nhận đặc xá ngày 31/8/2011 của trại tạm giam Bô lá Công an Thành phố H; Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù ngày 07/11/2015 của Trại giam

T3-Tổng cục V chấp hành xong án phạt tù của các bản án đã có căn cứ xác định cụ thể: Bản án số: 3366/2009/HS-ST ngày 19/11/2009 của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 31/8/2011 theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, thời gian được xem là đương nhiên được xóa án tích là 3 năm nhưng đến ngày 17/8/2013 chưa được 2 năm bị cáo đã có hành vi phạm tội mới nên Bản án số: 45/2014/HS-ST ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Tp . đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo 2 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” là có căn cứ. Bị cáo chấp hành 2 năm 6 tháng tù của bản án số: 45/2014/HS-ST ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Tp . vào ngày 07/11/2015, thời hạn bị cáo được xem là được đương nhiên được xóa án tích của 2 bản án là 2 năm theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nhưng đến ngày 22/2/2016 chưa được 2 năm bị cáo lại có hành vi phạm tội mới, tại Bản án số: 01A/2018/HS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên đã áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của bản án này vào ngày 01/02/2022, Thời gian bị cáo được xem là được đương nhiên được xóa án tích là của cả 3 bản án nêu trên là 3 năm tính từ ngày 01/2/2022 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, nhưng đến ngày 02/06/2023 chưa đủ thời gian được coi là được xóa án tích bị cáo lại có hành vi phạm tội mới nên bản sơ thẩm số: 46/2024/SH-ST xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là có căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Để xét xử bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự về tội “*Cướp giật tài sản*” và định khung hình phạt theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ đúng pháp luật. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về yêu cầu xem xét lại khung hình phạt án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo không có cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ các nhận xét tại mục [3] Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị là phù hợp. Hội đồng xét xử có căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo của bị cáo Dương Ngọc H giữ nguyên hình phạt của án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tỉnh Long An.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc H phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Dương Ngọc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Dương Ngọc H 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải chấp hành hình phạt về hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/12/2023.

Áp dụng Điều 374 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Ngọc H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Ngọc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Nhậm